

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2021/HC-PT
Ngày: 17 - 5 - 2021
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhứt Bình
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng
Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 702/2020/TLPT-HC ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 29/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 695/2021/QĐPT-HC ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1/ Ông Tô Công M, sinh năm: 1959 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
2/ Bà Tô Thị Phương L, sinh năm: 1963 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp N, xã M1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trương Văn T – Văn phòng Luật sư Trương Văn T, ấp MC, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt)

- Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc T1 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt)
2/ Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre;
Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh

Bến Tre (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Tô Thị L, sinh năm: 1953 (vắng mặt)

2/ Bà Tô Thị T2, sinh năm: 1957 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3/ Ông Tô Công H, sinh năm: 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

4/ Bà Tô Thị A, sinh năm: 1957 (có mặt)

Địa chỉ: 132C khu phố 2, phường 8, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

5/ Trường Trung học cơ sở P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thành Đ – Hiệu trưởng (xin vắng mặt).

6/ Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành T2 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Tô Công M và bà Tô Thị Phương L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện – ông Tô Công M, bà Tô Thị Phương L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp – Luật sư Trương Văn T cùng trình bày:

Phần đất ông Tô Công M bà Tô Thị Phương L khiếu nại yêu cầu bồi thường thiệt hại và chính sách hỗ trợ thuộc thửa 933, 934 tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp 7, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Phần đất này đã được Nhà nước thu hồi thực hiện dự án xây dựng Trường Trung học cơ sở P.

Ngày 19/11/2013, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G ban hành 04 quyết định giao đất cho các con cháu bà Lâm Thị Niêm (mẹ ông M), trong đó có Quyết định số 4089/QĐ-UBND giao cho ông M phần diện tích 608,9 m², gồm thửa số 362, 366, tờ bản đồ số 04, tọa lạc xã P. Các phần đất của bà Tô Thị T2, ông Tô Công Tuấn và ông Tăng Quốc Tâm được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Không đồng ý, ông M và bà L tiếp tục khiếu nại yêu cầu bồi thường đất, hoa màu phần đất diện tích 5.075 m², thửa số 931 và 932; đối với phần đất giao ông M yêu cầu giao thêm một phần diện tích cạnh chiều ngang phía sau bằng cạnh chiều ngang phía trước là 17 m.

Ngày 25/9/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành 02 Quyết định số 2017, 2018/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại cho bà L và ông M với nội dung: Không công nhận đơn khiếu nại của bà L, ông M về việc bồi thường tiền đất và hoa màu, lý do phần đất trên là khu đồn bót của chính quyền chế độ cũ và Nhà nước đã quản lý từ năm 1975.

Không đồng ý các quyết định trên, ngày 19/9/2019, 30/9/2019, 10/8/2020, ông M bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 của UBND huyện G, Quyết định số 2017, 2018/QĐ-UBND

ngày 25/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre, với lý do:

- Thứ nhất: Việc Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre cho rằng “trường hợp sử dụng đất của bà Lâm Thị Niêm do tự bao chiếm, nên không được bồi thường về đất, mà chỉ giải quyết bồi thường hoa màu và hỗ trợ di dời là phù hợp theo quy định” là không có cơ sở. Vì tại giấy xác nhận của ba cấp chính quyền gồm Trưởng ấp, xã P, Giám đốc công an tỉnh Bến Tre đều xác nhận bà Lâm Thị Niêm có 05 công đất nằm trong trại Giồng Quýt, như vậy đã đủ cơ sở chứng minh bà Lâm Thị Niêm có chủ quyền đối với 05 công đất trên và khi có chủ trương xây dựng công trình công cộng UBND tỉnh Bến Tre phải xem xét bồi thường về đất.

- Thứ hai: Yêu cầu giao thêm phần diện tích đất để cạnh chiều ngang phía sau bằng cạnh chiều ngang phía trước. Việc bố trí tái định cư này không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất tổng thể khi nhà nước thu hồi đất để làm trường học.

- Thứ ba: Việc bồi thường đất, vật kiến trúc, hoa màu trên đất ông bà chưa nhận tiền bồi thường. Ông bà khiếu nại từ khi nhận văn bản chiết tính bồi thường đến nay vẫn chưa giải quyết dứt điểm, thậm chí phía UBND tỉnh, UBND huyện G xác định ông bà đã nhận tiền bồi thường tiền mô mã là không đúng sự thật.

Theo văn bản số 772/UBND-NC ngày 24/02/2020, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre trình bày:

Phần diện tích 5.075m² đất (tại xã P, huyện G) mà ông M khiếu nại yêu cầu bồi thường có nguồn gốc nằm trong khu căn cứ quân sự của chế độ cũ. Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng tiếp nhận và sử dụng làm trại Quân huấn Giồng Quýt do Công an tỉnh quản lý. Năm 1989, trại Quân huấn Giồng Quýt di dời đi nơi khác, đất để trống nên một số hộ dân ở địa phương tự vào khai thác sử dụng, trong đó có bà Lâm Thị Niêm là mẹ ông M (chết năm 2008). Ngày 17/2/1997, UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 251/QĐ-UB để thu hồi toàn bộ phần diện tích 28.911 m² đất Trại Quân huấn Giồng Quýt (trong đó có phần đất diện tích 5.075m² mà hộ bà Niêm lấn chiếm) để giao cho UBND xã P quản lý. Ngày 22/11/2000, UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 4296/QĐ-UB về việc thu hồi diện tích 15.526m² đất (trong diện tích 28.911 m² đất nêu trên) giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bến Tre xây dựng Trường phổ thông Trung học P. Như vậy, việc thu hồi phần đất diện tích 5.075m² mà hộ bà Niêm lấn chiếm, nên không bồi thường mà chỉ giải quyết bồi thường hoa màu và hỗ trợ di dời là phù hợp pháp luật.

Do đó, Quyết định số 2017, 2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành là đúng quy định; đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông M và bà L.

Theo văn bản số 2803/UBND-NC ngày 26/8/2020, người bị kiện UBND huyện G, tỉnh Bến Tre trình bày:

Thống nhất ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất cho đến khi bị thu hồi.

Theo đề nghị của UBND huyện G và Sở Giáo dục và Đào tạo, ngày 17 tháng 01 năm 2001 Sở Tài chính vật giá tỉnh có Tờ trình số 61/TCVG trình Ủy

ban tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ bổ sung. Hộ bà Niêm được hỗ trợ thêm kinh phí đầu tư giống vật tư hoa màu số tiền là 5.075.000 đồng ($5.075\text{m}^2 \times 1.000$ đồng) và tiền di dời mộ 28.000.000 đồng (20 ngôi mộ). Tổng số tiền hỗ trợ bổ sung là 33.075.000 đồng.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lâm Thị Niêm là 107.690.000 đồng. Trong đó có số tiền hỗ trợ di dời các ngôi mộ là 8.000.000 đồng và số tiền hỗ trợ này các con cháu là thân nhân của các phần mộ đã nhận và bốc mộ di dời gồm: ông Nguyễn Văn Sỹ nhận số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 13 tháng 01 năm 2001, ông Nguyễn Văn Cước nhận số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 13 tháng 01 năm 2001 và bà Phạm Thị Loan nhận số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 02 tháng 3 năm 2001. Số tiền còn lại là 99.690.000 đồng gia đình bà Niêm không nhận, nên Phòng Giáo dục huyện G gửi vào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện G.

Ngày 27 tháng 01 năm 2003, UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 260/QĐ-UB về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trường Trung học cơ sở P, huyện G, tỉnh Bến Tre với diện tích 10.309m^2 . Trong đó có phần diện tích đất gia đình bà Niêm đang chiếm sử dụng.

Do gia đình các con của bà Niêm không còn đất để di dời cất nhà ở, nên theo đề nghị của UBND huyện G, ngày 24 tháng 10 năm 2013 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1934/QĐ-UBND thu hồi diện tích $1.075,8\text{m}^2$ thuộc thửa 362, 363, 364, 365, 366 tờ 4 xã P (theo đo đạc tọa độ), để giao cho UBND huyện G quản lý và giao cấp lại cho gia đình các con bà Niêm có điều kiện cất nhà ở.

Ngày 22 tháng 7 năm 2003, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện có buổi làm việc. Qua đó gia đình bà Niêm thống nhất phần diện tích $1.075,8\text{m}^2$ sẽ giao cho bà Tô Thị T2, ông Tô Công Tuấn, ông Tăng Quốc Tâm mỗi người 01 nền $6\text{m} \times 25\text{m}$, phần còn lại giao cho ông Tô Công M trong đó có phần mộ cho con cháu qua đời để chôn cất.

Căn cứ theo quyết định của UBND tỉnh, ngày 19 tháng 11 năm 2013 UBND huyện G ban hành 04 quyết định giao đất cho các con, cháu bà Niêm cụ thể như sau:

- Quyết định số 4086/QĐ-UBND giao cho bà Tô Thị T2 (con bà Niêm) diện tích $156,2\text{m}^2$ đất thuộc thửa 365, tờ 4, xã Phước Long;
- Quyết định số 4087/QĐ-UBND giao cho ông Tăng Quốc Tâm (cháu ngoại bà Niêm) diện tích 155m^2 đất thuộc thửa 364, tờ 4, xã P;
- Quyết định số 4088/QĐ-UBND giao cho ông Tô Công Tuấn (con bà Niêm) diện tích $155,7\text{m}^2$ đất thuộc thửa 363, tờ 4, xã Phước Long;
- Quyết định số 4089/QĐ-UBND giao cho ông Tô Công M (con bà Niêm) diện tích $608,9\text{m}^2$ đất thuộc thửa 362, 366, tờ 4, xã Phước Long (có phần 180m^2 đất phía sau để di dời cải táng các ngôi mộ và phần đất của bà Tô Thị Phương L và Tô Thị A cho ông Tô Công M).

Sau khi có quyết định giao đất, bà Tô Thị T2, ông Tô Công Tuấn và ông Tăng Quốc Tâm đã nhận đất cất nhà ở và đã được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng phần đất giao ông Tô Công M với diện tích $608,9\text{m}^2$, gồm thửa 362 tờ bản đồ số 4 có cạnh chiều ngang phía sau

(7,43m) kích thước ngắn hơn cạnh chiều ngang phía trước (17,02m), (mặt tiền tỉnh lộ 887, nay là Quốc lộ 57C). Sau đó, ông M khiếu nại đề nghị giao thêm một phần diện tích đất, để cạnh chiều ngang phía sau bằng cạnh chiều ngang phía trước.

Việc ông Tô Công M yêu cầu giao thêm phần diện tích đất để cạnh chiều ngang phía sau bằng cạnh chiều ngang phía trước (giáp đường tỉnh 887 nay là Quốc lộ 57C) là không thể giải quyết và UBND huyện G ban hành Quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2013 về việc giao quyền sử dụng đất cho ông Tô Công M thường trú tại ấp 7 xã P, huyện G là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trường Trung học cơ sở P, huyện G, tỉnh Bến Tre trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của người bị kiện; đề nghị bác đơn khởi kiện của ông M và bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã P, huyện G trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của người bị kiện; đề nghị bác đơn khởi kiện của ông M và bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị L, Tô Thị T2, Tô Công H, Tô Thị A cùng trình bày: Thông nhất với lời trình bày của người khởi kiện; yêu cầu Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của ông M và bà L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Công M về việc yêu cầu hủy:

Quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 “Về việc giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Tô Công M thường trú tại ấp 7, xã P, huyện G” của UBND huyện G; Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 “V/v giải quyết khiếu nại của ông Tô Công M, cư ngụ ấp 7, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre” và Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 “V/v giải quyết khiếu nại của bà Tô Thị Phương L, cư ngụ ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre” của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.

2/ Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Phương L về việc yêu cầu hủy:

Quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 “Về việc giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Tô Công M thường trú tại ấp 7, xã P, huyện G” của UBND huyện G; Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 “V/v giải quyết khiếu nại của ông Tô Công M, cư ngụ ấp 7, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre” và Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 “V/v giải quyết khiếu nại của bà Tô Thị Phương L, cư ngụ ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre” của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2020 người khởi kiện là ông Tô Công M, bà Tô Thị Phương L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Tô Công M, bà Tô Thị Phương L thống nhất vẫn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu UBND huyện G phải giao thêm phần diện tích đất để nền đất cấp cho ông M có cạnh chiều ngang phía sau bằng cạnh chiều ngang phía trước là 17,02m², đồng thời yêu cầu được nhận số tiền hỗ trợ di dời các ngôi mộ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Trương Văn T phát biểu ý kiến đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện vì nền đất cấp cho ông M bà L có diện tích phía trước và phía sau không bằng nhau, không thể xây dựng nhà ở nên Quyết định 4089/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 về việc giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Tô Công M thường trú tại ấp 7, xã P, huyện G của UBND huyện G không thể thực hiện được. Ông M bà L không yêu cầu bồi thường thêm về giá, chỉ đề nghị nhận nền đất có cạnh chiều ngang phía sau bằng cạnh chiều ngang phía trước và hỗ trợ tiền di dời các ngôi mộ vì ông M bà L chưa nhận được số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tô Thị A thống nhất với yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định pháp luật.

Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre, Trường Trung học cơ sở P và UBND xã P, xin vắng mặt; UBND huyện G, bà Tô Thị L, Tô Thị T2 và ông Tô Công H, vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, bà Tô Thị Phương L đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 157, Điều

165 Luật tổ tụng hành chính, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Phương L là đúng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M bà L chỉ kháng cáo cho rằng, ngày 19/11/2013, UBND huyện G ban hành 04 quyết định giao đất cho các con cháu bà Lâm Thị Niêm (mẹ ông M, bà L), trong đó có Quyết định số 4089/QĐ-UBND giao cho ông M phần diện tích 608,9 m², gồm thửa số 362, 366, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã P. Các phần đất của bà Tô Thị T2, ông Tô Công Tuấn và ông Tăng Quốc Tâm được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, đối với phần đất giao ông Tô Công M với diện tích 608,9m², gồm thửa 362 tờ bản đồ số 4 có cạnh chiều ngang phía sau (7,43m) kích thước ngắn hơn cạnh chiều ngang phía trước (17,02m), (mặt tiền tỉnh lộ 887, nay là Quốc lộ 57C), ông yêu cầu giao thêm một phần diện tích cạnh chiều ngang phía sau bằng cạnh chiều ngang phía trước là 17,02m, vì việc bố trí tái định cư này không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất tổng thể khi nhà nước thu hồi đất để làm trường học.

[3.1] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, nguồn gốc phần diện tích 28.911m² thuộc các thửa 930 đến 940, 922 và một phần thửa số 924, 925 tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã P trước năm 1972 là của chế độ cũ làm khu quân sự. Sau năm 1975, chính quyền cách mạng tiếp quản phần đất này và giao công an tỉnh Bến Tre sử dụng làm trại quân huấn. Năm 1989 Trại quân huấn di dời nơi khác, toàn bộ phần đất này để trống nên các hộ dân tự vào canh tác cất nhà ở, trong đó có bà Lâm Thị Niêm (mẹ ông M, bà L). Bà Niêm đã quản lý canh tác thửa số 931, 932, diện tích 5.075m².

[3.2] Ông M cho rằng phần đất này là do ông bà để lại. Năm 1988 Trại quân huấn Giồng Quýt không còn hoạt động, bà Niêm có làm đơn xin đất cất nhà ngày 13/4/1988, đơn này được trưởng ấp, xã và Giám đốc công an tỉnh Bến Tre đều xác nhận bà Niêm có 05 công đất ở trại Giồng Quýt.

[3.3] Tại đơn xin cất nhà ngày 13/4/1988, bà Niêm trình bày: “Nguyên trước đây tôi có năm công đất khu vực cải tạo vòng quýt, trước 30/4/1975 giặc lấy làm khu căn cứ. Sau 30/4/1975 Nhà nước tạm thời làm trại quân huấn vòng quýt”. Như vậy, bà Niêm đã thừa nhận phần đất xin cất nhà là do Nhà nước quản lý, giao cho trại quân huấn Giồng Quýt. Ông M cho rằng đơn xin cất nhà của bà Niêm đã được trưởng ấp, xã và công an tỉnh đồng ý nên phần đất trên thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Niêm. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đất đai, thẩm quyền giao đất là của UBND huyện hoặc UBND tỉnh. Do đó, căn cứ mà ông M đưa ra để chứng minh có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất thửa 931, 932 là không phù hợp.

[3.4] Ngày 17/02/1997 UBND tỉnh Bến Tre có Quyết định 251/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích đất tại trại quân huấn giao cho UBND xã quản lý. Ngày 22/11/2000 UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định 4296/QĐ-UBND thu hồi một phần diện tích đất trên để giao Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh xây dựng trường. Do đó, phần đất này là đất công do Nhà nước quản lý. Gia đình ông M, bà L đã tự bao chiếm và sử dụng nên khi thu hồi UBND chỉ thực hiện hỗ trợ, bồi

thường đối với vật kiến trúc, hoa màu, công trình trên đất mà không bồi thường về đất, theo đó, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Lâm Thị Niêm là 107.690.000 đồng, trong đó tiền hỗ trợ di dời các ngôi mộ là 8.000.000 đồng các con cháu là thân nhân của các phần mộ nhận, số tiền còn lại đã được gửi vào Ngân hàng là đúng quy định tại Điều 6, 7 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

[3.5] Tuy nhiên, do gia đình các con của bà Niêm không còn đất để di dời cất nhà ở, nên UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 1934/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.075,8 m² thuộc thửa 362, 363, 364, 365, 366 tờ 4 xã P (theo đo đạc tọa độ), để giao cho UBND huyện G quản lý và giao cấp lại cho gia đình các con bà Niêm có điều kiện cất nhà ở. Ngày 19/11/2013 UBND huyện G ban hành 04 quyết định giao đất cho các con, cháu bà Niêm trong đó Quyết định số 4089/QĐ-UBND giao cho ông Tô Công M (con bà Niêm) diện tích 608,9m² đất thuộc thửa 362, 366, tờ 4, xã P (có phần 180m² đất phía sau để di dời cải táng các ngôi mộ và phần đất của bà Tô Thị Phương L và Tô Thị A cho ông M) là phù hợp và đã có xem xét hoàn cảnh của ông M.

[3.6] Phần đất ông Tô Công M được giao theo Quyết định số 4089/QĐ-UBND nêu trên có cạnh chiều ngang phía sau (7,43m) ngắn hơn cạnh chiều ngang phía trước (17,02m). Ông M yêu cầu được giao thêm phần đất, để cạnh 02 đầu bằng nhau là 17,02m. Quá trình đối thoại để giải quyết khiếu nại, người bị kiện đã đồng ý điều chỉnh phần đất giao cho ông M có chiều dài cạnh trên và cạnh dưới bằng nhau (12,22m) nhưng vẫn giữ nguyên diện tích, vì đất đã giao cho Trường Trung học cơ sở P xây dựng theo đúng quy hoạch, không còn đất để giao thêm, nhưng phía ông M không đồng ý vẫn yêu cầu giao cạnh 02 đầu bằng nhau nên tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre xác định không thể giải quyết theo yêu cầu này của ông M. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu trên của ông M là phù hợp.

[4] Đối với kháng cáo yêu cầu được nhận số tiền hỗ trợ di dời các ngôi mộ vì ông M bà L không ký nhận số tiền 8.000.000 đồng để di dời mộ.

Hồ sơ vụ án thể hiện, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lâm Thị Niêm là 107.690.000 đồng. Trong đó có số tiền hỗ trợ di dời các ngôi mộ là 8.000.000 đồng và số tiền hỗ trợ này các con cháu là thân nhân của các phần mộ đã nhận và bốc mộ di dời gồm: ông Nguyễn Văn Sỹ nhận số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 13 tháng 01 năm 2001, ông Nguyễn Văn Cước nhận số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 13 tháng 01 năm 2001 và bà Phạm Thị Loan nhận số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 02 tháng 3 năm 2001. Số tiền còn lại là 99.690.000 đồng gia đình bà Niêm không nhận, nên Phòng Giáo dục huyện G gửi vào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện G. Như vậy, số tiền này cũng đã được Ủy ban giải quyết nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu này là có căn cứ.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện là có cơ sở, đúng quy định. Tại cấp phúc

thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Tô Công M được miễn; bà Tô Thị Phương L phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

[I] Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Tô Công M và bà Tô Thị Phương L. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 29/2020/HC-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Luật Đất đai năm 1987, 1993, 2003; Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ; Điều 7, 9, 27, 28, 28, 30, 31, 34 Luật Khiếu nại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Công M về việc yêu cầu hủy:

Quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 “Về việc giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Tô Công M thường trú tại ấp 7, xã P, huyện G” của UBND huyện G; Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 “V/v giải quyết khiếu nại của ông Tô Công M, cư ngụ ấp 7, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre” và Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 “V/v giải quyết khiếu nại của bà Tô Thị Phương L, cư ngụ ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre” của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.

2/ Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Phương L về việc yêu cầu hủy:

Quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 “Về việc giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Tô Công M thường trú tại ấp 7, xã P, huyện G” của UBND huyện G; Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 “V/v giải quyết khiếu nại của ông Tô Công M, cư ngụ ấp 7, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre” và Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 “V/v giải quyết khiếu nại của bà Tô Thị Phương L, cư ngụ ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre” của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.

[II] Các phần quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[III] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Tô Công M được miễn. Bà Tô Thị Phương L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003884 ngày 16/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bến Tre (1);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1);
- Các đương sự (10);
- Lưu hồ sơ (1), VP(4), 20b (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Nhật Bình